

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**  
**VIETNAM STONE WORK – TOP FABRICATION J.S.C**  
-----&\*&-----

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2017**

**HÀ NỘI – 2018**



## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY.....	3
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
3.1 Ngành nghề kinh doanh.....	5
3.2. Địa bàn kinh doanh.....	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
4.1 Mô hình quản trị.....	6
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	6
4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết.....	7
5. Định hướng phát triển.....	7
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	7
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	8
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng).....	9
6. Các rủi ro.....	9
6.1 Rủi ro về tài chính.....	9
6.2 Rủi ro về luật pháp.....	12
6.3 Rủi ro đặc thù.....	12
6.4 Rủi ro khác.....	13
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017.....	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	16
1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	19
2. Tổ chức và nhân sự.....	20
2.1 Danh sách Ban điều hành.....	20
2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ...	22
2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động.....	23
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	24
3.1 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2017.....	24
3.2 Các công ty con, công ty liên kết :.....	25
4. Tình hình tài chính.....	25
4.1 Tình hình tài chính.....	25
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	26
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	27

5.1	Cổ phần .....	27
5.2	Cơ cấu cổ đông.....	27
5.3	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	28
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	28
1.	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017.....	28
1.1.	Hoạt động sản xuất kinh doanh .....	26
2.	Phân tích tình hình tài chính.....	30
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	33
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	33
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	34
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	34
2.	Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty.....	35
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	36
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	37
1.	Hội đồng quản trị của Công ty .....	37
1.1	Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị .....	37
1.2	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	39
1.3	Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	39
1.4	Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành .....	39
1.5	Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị .....	39
2.	Ban kiểm soát của Công ty.....	44
2.1	Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát .....	40
2.2	Hoạt động của Ban kiểm soát .....	41
2.3.	Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty năm 2017.....	42
2.4.	Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị .....	43
2.5.	Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc .....	43
2.6.	Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, BGD.....	43
2.7.	Kiến nghị của Ban kiểm soát .....	44
2.8.	Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.....	44
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....	46
3.1	Thù lao, các khoản lợi ích.....	49
3.2	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	49
3.3	Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ .....	49
3.4	Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	49
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	50

## DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

- **DHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông
- **HĐQT:** Hội đồng quản trị
- **BKS:** Ban Kiểm soát
- **TGD:** Tổng giám đốc
- **STV:** Công ty cổ phần Chế tác đá việt nam
- **KCN:** Khu công nghiệp
- **CP:** Cổ phần
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên
- **TSCĐ:** Tài sản cố định
- **BHXH:** Bảo hiểm xã hội
- **BHYT:** Bảo hiểm y tế
- **BHTN:** Bảo hiểm thất nghiệp
- **QDPX:** Quản đốc phân xưởng
- **CĐ, TC, SC:** Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp
- **NN:** Nhà nước

## I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

### 1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
- Tên giao dịch : Viet Nam Stone Work - Top Fabrication Joint Stock Company
- Tên viết tắt : **STONE VIETNAM**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0500555916 (Chuyển từ số ĐKKD 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/02/2007) và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 26/10/2017.
- Vốn điều lệ : **110.000.000.000 đồng**
- Địa chỉ : Khu công nghiệp CNC, Khu CNC Hoà Lạc, xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 – 33688306
- Fax : 024 – 33688305
- Email : info@stonevietnam.com
- Website : www.stonevietnam.com
- Mã cổ phiếu : **STV**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

✓ Ngày 13/02/2007, Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0303000640 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cấp với vốn điều lệ ban đầu là **20 tỷ đồng**.

✓ Ngày 21/06/2007, Công ty được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chính thức trở thành Công ty đại chúng.

✓ Ngày 05/04/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 85/2010/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là : **STV**.

✓ Ngày 08/12/2011 Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là **STV** và ngày **15/12/2011** là ngày bắt đầu giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

✓ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 06 lần tăng vốn điều lệ, quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

**Lần 1:** Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng trong năm 2008 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 26/06/2008 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược của Công ty là Công ty Đá ốp lát cao cấp VINACONEX và Công ty Cổ phần Đệ Tam.

**Lần 2:** Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng trong năm 2009 bằng hình thức phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết số 01/2009/NQ/SVN-DHĐCĐ ngày 07/05/2009 của

Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua việc phát hành riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược.

**Lần 3:** Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 41,025 tỷ đồng trong năm 2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2012/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2012 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

**Lần 4:** Tăng vốn điều lệ từ 41,025 tỷ đồng lên 45,127 tỷ đồng trong năm 2013 bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 01/2013/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2013 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

**Lần 5:** Tăng vốn điều lệ từ 45,127 tỷ đồng lên 65,127 tỷ đồng trong năm 2014 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2013/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 18/09/2013 của Đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam thông qua.

**Lần 6:** Tăng vốn điều lệ từ 65,127 tỷ đồng lên 110,00 tỷ đồng trong năm 2017 bằng hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam thông qua.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm nay của Công ty là tư vấn, thiết kế, gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Doanh thu bán hàng chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		Tăng trưởng
			Công ty mẹ	Hợp nhất	
<b>I</b>	<b>Doanh thu gia công, chế tác</b>	<b>149.373</b>	<b>178.969</b>	<b>178.969</b>	<b>19,81%</b>
1	Doanh thu đá mẫu xuất khẩu	78.247	90.194	90.194	15,27%
2	Doanh thu gia công, chế tác xuất khẩu	28.631	28.988	28.988	1,25%
3	Doanh thu gia công, chế tác trong nước	42.495	59.787	59.787	40,69%

### 3.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam (STV) không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu để trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces. Sản phẩm của Công ty có mặt trên toàn lãnh thổ Việt Nam cũng như được xuất khẩu đi một số Châu lục trên thế giới.

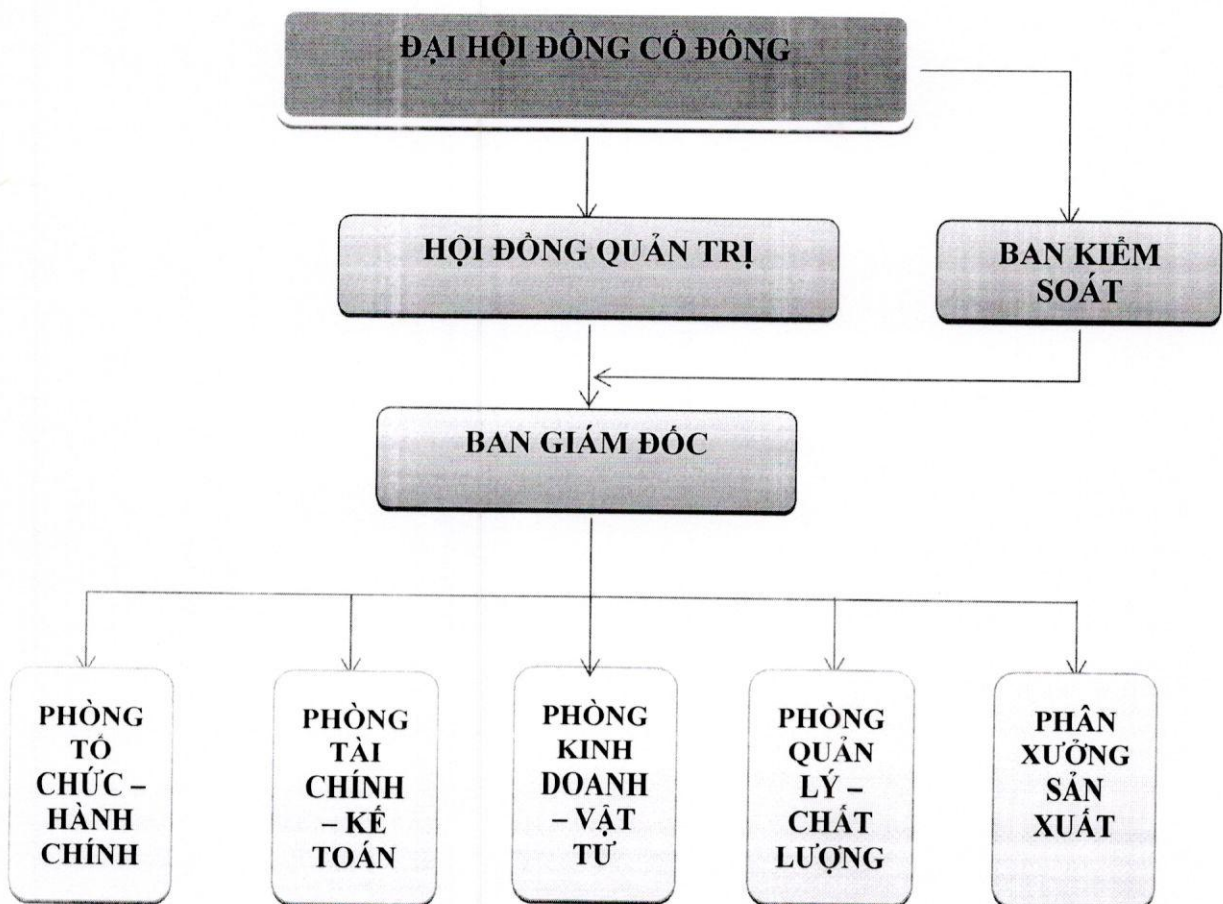
## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 4.1 Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông và các bộ máy quản trị bao gồm : Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CP CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM



**Đại hội đồng cổ đông**

DHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của Công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

**Ban kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, gồm 3 thành viên. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc.

**Ban Giám Đốc**

Ban Giám Đốc Công ty gồm Giám Đốc, các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn.

**4.3. Danh sách công ty con, công ty liên kết**

✓ *Công ty con: Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long*

*Địa chỉ: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.*

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: *cất tạo móng và hoàn thiện đá*

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,99%

**5. Định hướng phát triển****5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Mục tiêu chủ yếu là trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác và lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces sử dụng trong nội thất tại thị trường Việt Nam và trên thị trường Quốc tế.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các mạng lưới dịch vụ tiêu thụ sản phẩm; Nâng cao uy tín hơn nữa, phấn đấu trở thành đối tác tin cậy của các doanh nghiệp trong lĩnh vực đá nhân tạo gốc thạch anh cao cấp,



- Đào tạo và nâng cao năng lực điều hành quản lý, năng lực khoa học kỹ thuật, kỹ năng giao tiếp với khách hàng, ... cho cán bộ công nhân viên, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ tốt hơn cho khách hàng,

- Quản trị tốt hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp SAP\_ERP (quản lý Tài chính, quản lý Kho, quản lý Bán hàng, quản lý Sản xuất - Lắp đặt - Dịch vụ bảo hành, ...).

- Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh thông qua các chính sách ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và gia tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên, củng cố tinh thần đoàn kết, tinh thần xây dựng, lòng nhiệt tình sáng tạo, ...

**5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Xây dựng thương hiệu Công ty CP chế tác đá Việt Nam trở thành thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam và trên Thế giới trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác các sản phẩm từ đá nhân tạo gốc thạch anh thương hiệu VICOSTONE Quartz Surfaces bằng việc tăng cường công tác quảng cáo, marketing ...

- Tập trung chủ yếu vào sản xuất để đáp ứng yêu cầu về năng lực và chất lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu (đá mẫu và dự án gia công chế tác) thông qua Công ty CP Vicostone và Công ty CP tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A.

- Mở rộng các cơ sở sản xuất ở các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, đảm bảo cung cấp đủ sản phẩm cho thị trường trong nước.

- Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác trong điều kiện cho phép phù hợp với chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

- Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính để tạo sức mạnh cạnh tranh;

- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài;

- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản trị rủi ro;

- Đảm bảo hoạt động ổn định và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ		% tăng, giảm KH 2018 so với TH 2017	Hợp nhất		% tăng, giảm KH 2018 so với TH 2017
			TH 2017	KH 2018		TH 2017	KH 2018	
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	179.201	191.657	6.95%	179.112	214.161	19,57%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.645	10.578	59,19%	9.539	9.246	(3,07%)
3	Lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	185	201	8,65%	208	239	14,90%

### 5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng)

✓ Xác định con người là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công của Công ty, trong những năm qua Công ty luôn luôn chú trọng và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động thể hiện ở các điểm sau :

+ Công ty luôn đảm bảo công việc ổn định cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

Năm 2016: 11.091.000 đồng/người/tháng

Năm 2017: 12.361.000 đồng/người/tháng

+ Thường xuyên có các chế độ khuyến khích thi đua trong các tổ, đội sản xuất và lắp đặt giúp tăng năng suất lao động

+ Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, ca 3, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.

+ Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

+ Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “Lá lành đùm lá rách”.

+ Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Công ty cũng thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện . . . khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới một sự phát triển bền vững của xã hội

## 6. Các rủi ro

### 6.1 Rủi ro về tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản đi vay, cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau :

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì khoản cho vay trong kỳ có lãi suất cố định.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro sự thay đổi hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể và ít phát sinh.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<b>Bất kỳ thời điểm nào</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay và nợ		37.000.000.000	37.000.000.000
Phải trả người bán	112.821.524.242	-	112.821.524.242
Chi phí phải trả	44.000.000	-	44.000.000
	<b>112.865.524.242</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>112.865.524.242</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	36.670.354.022	-	36.670.354.022

Chi phí phải trả	44.000.000	-	44.000.000
	<b>36.714.354.022</b>	-	<b>36.714.354.022</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán khoản nợ này. Số dư nợ tập trung chủ yếu là từ Công ty cổ phần Vicostone, Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A (bao tiêu đầu ra các sản phẩm của Công ty CP Chế tác đá Việt Nam). Khoản mua phôi đá dự phòng cho sản xuất kinh doanh năm tới là 107.918.467.603 đồng (trong đó công ty con Trần Long là: 63.945.858.977 đồng) chiếm 95,65% trên tổng dư nợ phải trả người bán, nên Công ty đánh giá rủi ro trong thanh toán nợ là rất thấp.

### **Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **6.2 Rủi ro về luật pháp**

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đặc biệt, Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nên chịu sự chi phối của Luật Xây dựng và các quy định khác về bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Hệ thống pháp luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước, từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

### **6.3 Rủi ro đặc thù**

#### **Rủi ro về nhân sự:**

Nguồn nhân sự rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gia công, chế tác đá do đó đội ngũ công nhân phải có chất lượng, tay nghề thuần thục. Nếu nhân sự liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty.

#### **Rủi ro về cạnh tranh:**

Sản phẩm của Công ty đang trong giai đoạn thâm nhập vào thị trường trong nước, chưa được nhiều người tiêu dùng biết đến rộng rãi, chủ yếu tập trung tại thị trường Phía Bắc. Sự cạnh tranh cùng ngành sản phẩm thì rất ít nhưng sự cạnh tranh khác ngành sản phẩm và vật liệu thay thế thì rất nhiều. Các sản phẩm cạnh tranh chủ yếu hiện nay vẫn là dòng đá tự nhiên như Kimsa, Đen Huế, Marble và những dòng đá nhân tạo nhưng xuất từ Trung Quốc. Các công ty phân phối sản phẩm này ra đời và hoạt động từ lâu. Ngoài ra hiện nay trên thị trường Việt nam xuất hiện thêm rất nhiều các sản phẩm khác cùng loại như: Solid Surfaces, đá nhân tạo nhập từ

Trung Quốc. Một số dòng sản phẩm Đá Quartz được sản xuất trên dây chuyền Breton như của Công ty cũng đã bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam, như sản phẩm của Caesarstone được Hafele phân phối, sản phẩm Silestone được Công ty Đông Dương phân phối, sản phẩm của Handstone được công ty Hòn Ngọc đỏ phân phối, tuy nhiên số lượng không đáng kể.

#### **Rủi ro an toàn lao động:**

Đối với lĩnh vực gia công chế tác đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, việc sản xuất gia công chế tác và lắp đặt trong điều kiện lao động khắc nghiệt như: môi trường làm việc nhiều tiếng ồn, nồng độ bụi cao, độ ẩm cao, công nhân thường mắc các bệnh về đường hô hấp, da ... Trong quá trình lắp đặt, rủi ro về an toàn lao động nếu xảy ra, đe dọa đến tính mạng người lao động.

#### **6.4 Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty CP Chế tác đá Việt Nam đang nỗ lực không ngừng để trở thành Công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp, gia công, chế tác, lắp đặt hoàn thiện các sản phẩm đá nhân tạo gốc thạch anh sử dụng trong nội thất như mặt bàn bếp, mặt bàn Lavabo, bồn tắm, các sản phẩm ốp lát.

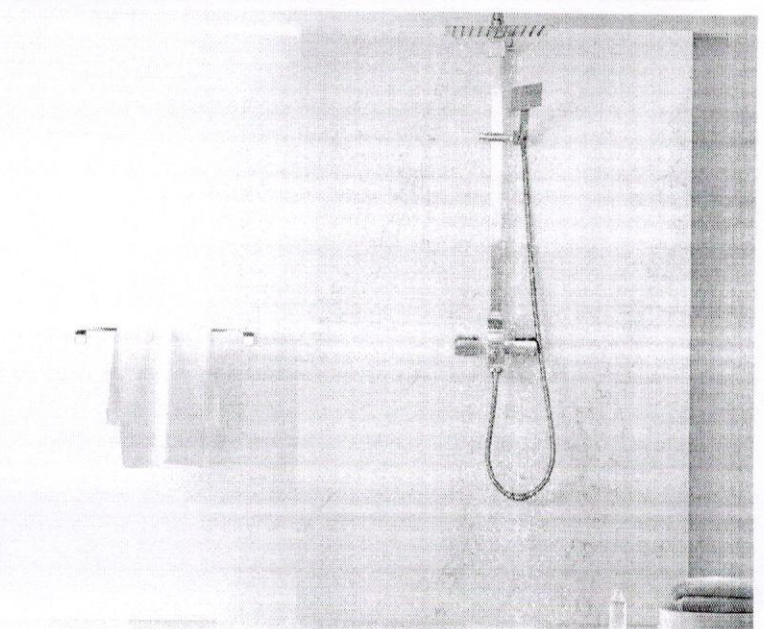
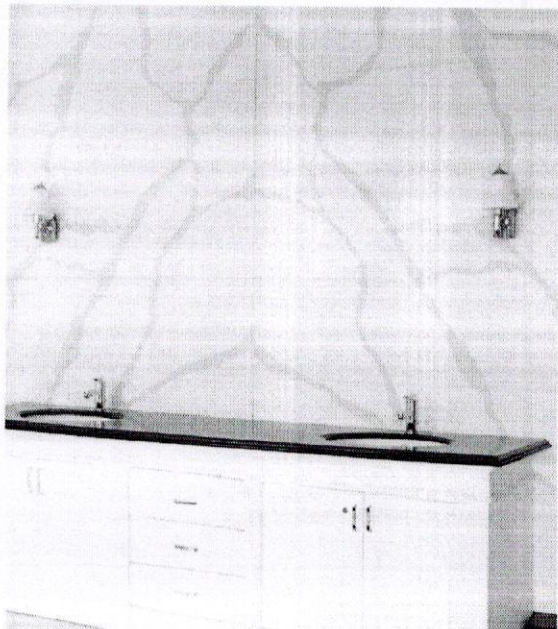
Với hệ thống phân phối trong những năm vừa qua đang mở rộng chủ yếu tập trung tại Thị trường phía Bắc, thì năm 2017 Công ty đã bắt đầu thâm nhập vào thị trường Phía Nam. Nhiều dự án đã được triển khai như: dự án Ba Son, Vinhomes,... Để đáp ứng nhu cầu của thị trường Phía nam, Công ty đã mua lại 99,99% cổ phần của Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long và xác định đó là dự án trọng điểm của năm 2017. Công ty đã hỗ trợ các quy trình, công nghệ chế tác sản phẩm đá mang thương hiệu VICOSTONE nhằm giúp cho Công ty CP công nghiệp Trần Long nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định, cung cấp sản phẩm và các dịch vụ lắp đặt bảo hành hoàn thiện cho thị trường Miền Nam.

Nhiều khách hàng quốc tế đã chuyển hướng sang đặt các sản phẩm Cut to size tại công ty, điển hình như các dự án: One Cable Beach (Pangea Quartz), Hurstville-Stone ( WK), Vaniti Top ( Vicostone US), Mansion Layout(Vicostone US), Kirrawee Stage 1 (Vicostone US).

Qua những dự án này, Công ty Cổ phần Chế tác Đá Việt Nam ngày càng được đông đảo người tiêu dùng biết đến và mong muốn sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ cũng như sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên hàng đầu và là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty.

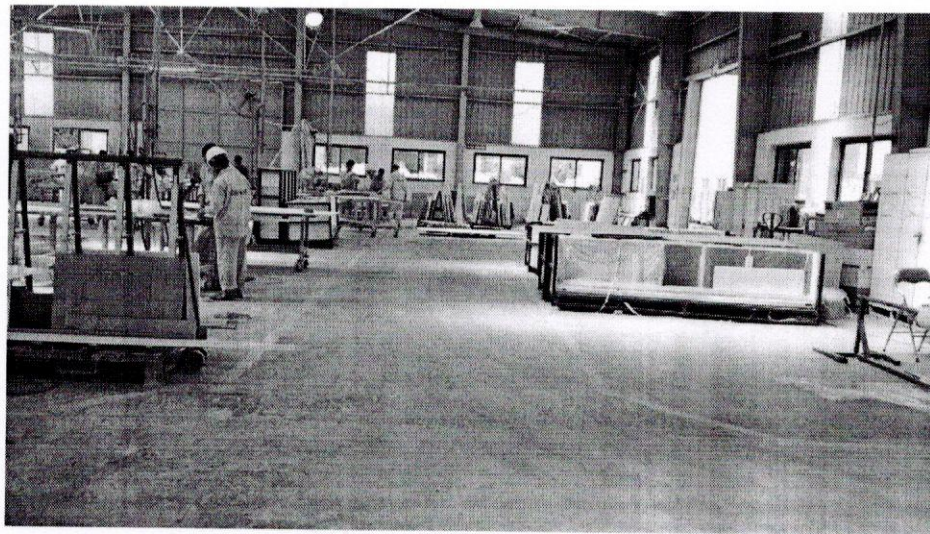
*Hình ảnh một số sản phẩm tiêu biểu được ứng dụng trong nội thất gia đình như : bàn quầy, bàn bếp, bàn đảo, bàn ăn, bàn lavabo và shower trong phòng tắm*







Một số hình ảnh của Công ty hiện tại



**1.1 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

**❖ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		% tăng trưởng
			Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Tổng giá trị tài sản	165.020	264.671	333.491	102,09%
2	Tổng doanh thu	152.641	179.201	179.112	17,34%

A	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.613	178.970	178.970	19,62%
	- Doanh thu hàng hóa	1.739	1.652	1.652	-4,99%
	- Doanh thu thành phẩm	146.408	174.943	174.943	19,49%
	- Doanh thu khác	1.466	2.374	2.374	61,96%
B	Doanh thu hoạt động tài chính	2.962	231	142	-95,19%
3	Lợi nhuận từ HĐSX kinh doanh	28.377	6.594	9.489	-66,56%
4	Lợi nhuận khác	13	51	51	289,55%
5	Lợi nhuận trước thuế	28.390	6.645	9.539	-66,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	25.697	6.074	8.969	-65,10%
7	Số lao động bình quân năm (Người)	176	175	198	12,50%
8	Thu nhập bình quân	10,47	12,36	11,17	6,69%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2016 và 2017 của STV)

❖ Cơ cấu chi phí hoạt động SXKD qua các năm, tỷ trọng trên tổng doanh thu

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ lệ % chi phí /doanh thu	Năm 2017		Tỷ lệ % chi phí /doanh thu
				Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Tổng doanh thu	<b>152.641.008.076</b>		179.200.918.782	179.112.125.135	
	Trong đó:					
	Doanh thu gia công, chế tác+ khác	149.613.061.026		178.969.706.941	178.969.706.941	
2	Giá vốn hàng bán	<b>113.207.960.456</b>		158.708.685.151	158.708.685.151	

	Trong đó:					
	Giá vốn gia công, chế tác + khác	113.207.960.456	74,17%	158.708.685.151	158.708.685.151	88.61%
3	Chi phí bán hàng	2.744.307.728	1,80%	1.428.094.767	1.428.094.767	0.80%
4	Chi phí quản lý	8.246.123.167	5,40%	8.132.802.554	8.887.779.546	4.96%
5	Chi phí tài chính	231.617	0,0002%	4.336.966.814	598.166.666	0.33%
6	Chi phí khác	51.595.029	0,03%	7.269.858	7.287.502	0.0041%
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>124.250.217.997</b>	<b>81,40%</b>	<b>172.613.819.144</b>	<b>169.630.013.632</b>	

(Nguồn: Báo cáo đã được kiểm toán năm 2016 và năm 2017)

\* **Giá vốn hàng bán** tăng 45.500 triệu đồng, do doanh thu tăng dẫn đến giá vốn tăng tương ứng theo tỷ lệ doanh thu, đồng thời năm 2017 chi phí nguyên liệu chính tăng do khách hàng sử dụng nhiều loại đá có vein đa dạng nên không tận dụng được phối thừa để ghép shade cũng như ghép vein cho các đơn hàng khác và cắt mẫu.

\* **Chi phí bán hàng** năm 2017 giảm 1.316 triệu đồng so với năm 2016 (tương ứng giảm 47,96%). Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2017 Công ty bán hàng trực tiếp qua Công ty cổ phần Vicostone nên không tổ chức bộ phận bán hàng trực tiếp, chỉ còn công nhân bao gói và lắp đặt nên tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu cũng giảm.

\* **Chi phí quản lý** trong năm 2017 tăng (641 triệu đồng) là do hợp nhất thêm chi phí quản lý của Công ty con. Xét trên tỉ trọng doanh thu thì năm 2017 giảm hơn so với năm 2016 là 0,44%, do doanh thu tăng với tỷ lệ cao hơn tỷ lệ tăng của chi phí.

\* **Chi phí hoạt động tài chính** năm 2017 tăng 598 triệu đồng so với năm 2016. Đây là khoản lãi vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

##### ✓ **Khó khăn, hạn chế**

- Xu hướng người tiêu dùng đang ưa chuộng dùng nhiều sản phẩm có vein đa dạng nên việc tận dụng phối thừa để ghép shade cho các đơn hàng khác khó khăn hơn, làm tăng chi phí rác thải.

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ nguyên liệu là vật liệu cao cấp của Công ty CP Vicostone, Công ty CP Style Stone nên giá thành của sản phẩm tương đối cao so với sản phẩm cùng loại được chế tác từ đá tự nhiên, đá nhân tạo của Trung Quốc do đó đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tại thị trường trong nước.

- Sản phẩm tập trung vào mặt bàn bếp nên hiện tại chưa chủ động trong hoạt động lắp đặt mà vẫn đang phụ thuộc vào các đơn vị cung cấp tủ gỗ.

✓ **Thuận lợi:**

- Bộ máy quản lý của Công ty đã từng bước được kiện toàn, nhân sự được sắp xếp lại bằng việc bổ sung những cán bộ mới trẻ vào các vị trí quản lý chủ chốt, ổn định về nhân sự giúp cho Công ty hoạt động tốt và hiệu quả hơn

- Sản phẩm của Công ty được chế tác từ đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu VICOSTONE đã có mặt trên 40 quốc gia tại khắp các châu lục. Thương hiệu VICOSTONE được đẩy mạnh quảng bá ở thị trường trong nước với 2 Show room lớn tại Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh cùng mạng lưới các đại lý ở khắp các tỉnh, thành trên toàn quốc.

- Sản phẩm có nhiều ưu điểm vượt trội trong ứng dụng nội thất, đặc biệt bàn bếp, bàn bar.

- Công ty đã tập trung mọi biện pháp, phát huy tối đa nội lực, tận dụng thời cơ kinh doanh nhằm ổn định sản xuất, tạo đà phát triển cho doanh nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vật liệu trong và ngoài nước.

**1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Tình hình thực hiện so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được thể hiện với một số chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017			Tỷ lệ % tăng trưởng so với năm 2016
				Kế hoạch	Thực hiện (hợp nhất)	Tỷ lệ % TH/KH	
1	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	152,641	180,658	179,112	99.14%	17.34%
	Trong đó:						
	<i>Gia công, chế tác, khác</i>	<i>Tr. Đồng</i>	<i>149,613</i>	180,658	178,970	99.07%	19.62%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	28,391	18,016	9,539	52.95%	-66.40%
3	Số lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	176	188	208	118.18%	18.18%
4	Thu nhập bình quân người / tháng	Nghìn đồng	10.47		11.17	106.69%	6.69%

Năm 2017 với nhiều thách thức đối với thị trường nội địa còn khá mới mẻ với thương hiệu Vicostone, nhưng Công ty đã nỗ lực đạt 99,14% mức doanh thu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế lại giảm mạnh: 66,4% chủ yếu là do: giảm doanh thu

hoạt động tài chính; chi phí lương, thưởng cho người lao động tăng; xu thế người tiêu dùng tập trung sử dụng nhiều loại đá có vein đa dạng nên không tận dụng các đá kích thước cho các đơn hàng khác, làm tăng chi phí rác thải.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc
Bà Cao Hoàng Lan	Kế toán trưởng

#### **Ông Lưu Công An - Giám đốc công ty**

Ngày tháng năm sinh	15/07/1965
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư động lực
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 2000-10/2004	Phó phòng thiết kế Công ty Diesel Sông Công
Từ tháng 10/2004-11/2004	Trưởng phòng kỹ thuật CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 12/2004-04/2005	Quản đốc phân xưởng Brestone CTCP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 05/2005-02/2007	Phó giám đốc- Công ty CP đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 03/2007-08/2015	Ủy viên HĐQT Công ty CP Vicostone
Từ tháng 03/2007 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vicostone
Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Phương hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các công ty khác	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Phương hoàng xanh A&A Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vicostone

#### **Ông Ninh Quốc Cường - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty**

Ngày tháng năm sinh	06/02/1962
---------------------	------------

Trình độ chuyên môn	Công nhân một bậc 7/7
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ tháng 06/2003 - 04/2008	Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty VINADECOR
Từ tháng 05/2008 – 09/2009	Quản đốc Phân xưởng sản xuất kiêm Phó Trưởng Ban quản lý dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, chế tác đá trang trí nội thất” thuộc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Từ tháng 10/2009 – 08/2012	Phó Giám đốc, kiêm Quản đốc Phân xưởng sản xuất Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Từ tháng 09/2012 – đến nay	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ hiện nay ở Công ty	Ủy viên HĐQT- Phó Giám đốc Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận ở các Công ty khác	Không

**Bà Cao Hoàng Lan – Kế toán trưởng Công ty**

Ngày tháng năm sinh	01/08/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ tháng 2/2002 –08/2008	Nhân viên kế toán – Chi nhánh Hà Nội –Tổng công ty 28 - Bộ quốc phòng
Tháng 9/208 – 4/2011	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SX&TM Tâm Việt
Từ tháng 5/2011-06/2013	Phó phòng tài chính kế toán – Công ty CP tập đoàn AUSTDOOR
Từ tháng 7/2013-04/2014	Phó phòng tài chính kế toán – Công ty CP AUSTDOOR Miền bắc
Từ tháng 7/2014-02/2015	Nhân viên phòng tài chính kế toán – Công ty CP VICOSTONE
Từ tháng 3/2015-09/2016	Nhân viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Style Stone
Từ tháng 10/2016-12/04/2017	Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Style Stone

Từ 12/04/2017 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ đảm nhận ở các công ty khác	Không

## 2.2 Những thay đổi thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### Hội đồng quản trị

- Thông qua đơn từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 kể từ ngày 31/03/2017 đối với Ông Lưu Công An - ủy viên HĐQT và Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc - Ủy viên HĐQT theo Nghị quyết số 05/2017/NQ/STV-HĐQT ngày 31/03/2017 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Phê chuẩn việc bầu thay thế làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 kể từ ngày 31/03/2017 đối với Ông Nguyễn Hữu Chương và Ông Nguyễn Xuân An theo Nghị quyết số 05/2017/NQ/STV-HĐQT ngày 31/03/2017 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Thông qua đơn xin từ nhiệm Chủ tịch HĐQT và tư cách thành viên HĐQT Công ty của Ông Phạm Trí Dũng – Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
- Thông qua kết quả bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 đối với Ông Phạm Anh Tuấn theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.
- Bầu Ông Phạm Anh Tuấn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 08/2017/NQ/STV-HĐQT ngày 20/04/2017 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã có sự thay đổi cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	20/04/2017	
Phạm Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT		20/04/2017
Ninh Quốc Cường	Ủy viên	23/03/2013	
Lưu Công An	Ủy viên		31/03/2017
Nguyễn Xuân An	Ủy viên	31/03/2017	
Nguyễn Hữu Chương	Ủy viên	31/03/2017	
Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Ủy viên		31/03/2017
Đỗ Quang Bình	Ủy viên	18/03/2015	

### Ban Giám đốc

- Trong năm 2017 không có sự thay đổi.

### Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban kiểm soát có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- Ông Lương Xuân Mẫn xin từ nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát và tư cách thành viên Ban kiểm soát Công ty kể từ ngày 20/04/2017 và được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 phê chuẩn (theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông năm 2017).
- Bà Trần Thị Đức Hạnh được bầu là Trưởng ban kiểm soát từ ngày 20/04/2017 (theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông năm 2017)
- Bà Trần Thị Đức Hạnh xin từ nhiệm Trưởng ban kiểm soát và tư cách thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 02/10/2017 và bầu thay thế Bà Nguyễn Thị Phương Thúy làm Trưởng Ban kiểm soát kể từ ngày 02/10/2017 (theo Biên bản họp số 0210/2017 BB/STV-BKS ngày 02/10/2017 của Ban Kiểm soát).

#### **Kế toán trưởng:**

Trong năm 2017, có sự thay đổi về nhân sự như sau:

- Bà Trần Thị Đức Hạnh thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng và Bà Cao Hoàng Lan được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế tác đá Việt nam kể từ ngày 12/04/2017 (theo Nghị quyết số 06/2017/NQ/STV-HĐQT ngày 12/04/2017 của Hội đồng quản trị).

Việc thay đổi nhân sự chủ chốt (Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng) được Công ty công bố trên Website của Công ty tại địa chỉ: [www.stonevietnam.com](http://www.stonevietnam.com) và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội kịp thời, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật về công bố thông tin.

### **2.3. Công tác nhân sự và những chính sách đối với người lao động**

Tính đến ngày 31/12/2017 tổng số lao động của Công ty CP Chế tác đá Việt nam có 185 người (bao gồm cả lao động thời vụ), trong đó lao động nam là 110 người chiếm 72,36%, lao động nữ 42 người chiếm 27,64%. Cơ cấu lao động được phân theo trình độ như sau:

TT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sỹ	01	0,53
2	Đại học	41	21,93
3	Cao đẳng và trung cấp	32	17,11
4	Công nhân kỹ thuật	94	50,27
5	Lao động phổ thông	19	10,16
<b>Tổng cộng</b>		<b>187</b>	<b>100,00</b>



✓ Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân tăng dần theo năm cụ thể:

*ĐVT: đồng/người/tháng*

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	
			Công ty mẹ	Hợp nhất
Thu nhập của người lao động	8,794,000	10,470,000	12,360,000	11,170,000

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca 2, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ kịp thời cho người lao động.

Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV khi có việc hiếu hỷ, ốm đau, tổ chức quyên góp giúp đỡ CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn ...thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách”.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

✓ Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng.

✓ Tuyển dụng thêm kỹ sư, cử nhân, công nhân có trình độ, đào tạo lại và đào tạo bồi dưỡng thêm trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ công nhân viên đảm bảo nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### 3.1 Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm năm 2017

##### ➤ Dự án phần mềm SAP\_ERP

- Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 3.572.286.800 đồng
- Nguồn vốn: Vốn tự có của Công ty
- Mục tiêu đầu tư: Chuẩn hóa các quy trình hoạt động; kiểm soát hoạt động của tất cả các phòng ban, ngăn chặn các rủi ro và hoạch định sản xuất kinh doanh
- Thời gian thực hiện: từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017

- Tình hình thực hiện: tháng 11/2017 dự án đã chính thức vận hành online và đến nay đã hoạt động ổn định.
- Dự án đầu tư vào mua cổ phần của Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long
  - Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 29.997.000.000 đồng
  - Nguồn vốn: Vốn tự có và vốn vay
  - Mục tiêu đầu tư: nhằm đáp ứng nhu cầu về sản lượng cho thị trường phía Nam, giảm chi phí dịch vụ chăm sóc khách hàng và chi phí vận chuyển
  - Tình hình thực hiện: tháng 9 năm 2017 Công ty đã hoàn tất việc mua lại 99,99% cổ phần của Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long và chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty cổ phần Công nghiệp Trần long kể từ ngày 27/09/2017.
- Các dự án và hạng mục đầu tư nhỏ khác
 

Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư, mua sắm, cải tạo, xây dựng một số hạng mục nhỏ nhằm đáp ứng yêu cầu và nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh như: đầu tư mua cầu xe nâng để đóng cont, mua thiết bị tường lửa bảo mật thông tin,... với tổng mức đầu tư 104,46 triệu đồng.

**3.2 Các công ty con, công ty liên kết :**

**Công ty con:**

Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long

Địa chỉ: Đường số 8, khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Tỷ lệ sở hữu: 99,99%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 99,99%

**4. Tình hình tài chính**

**4.1 Tình hình tài chính**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017		% tăng giảm
				Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Tổng giá trị tài sản	Tr đồng	165.020	264.671	333.491	102%
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	152.641	179.201	179.112	17,34%
	Trong đó:					
	<i>Doanh thu gia công, chế tác và khác</i>	<i>Tr đồng</i>	152.641	178.969	178.969	17,25%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng				(66,40%)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017		% tăng giảm
				Công ty mẹ	Hợp nhất	
			28.391	6.645	9.539	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	25.697	6.074	8.969	(65,10%)
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm	đồng	3.650		1.127	(69,12%)
6	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000 đ	10.470	12.361	11.170	6,69%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Công thức tính	Năm 2016	Năm 2017		% thay đổi
			Công ty mẹ	Hợp nhất	
<b>1. Các hệ số thanh toán</b>					
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (lần)	Tổng tài sản/tổng nợ phải trả	4,10	2,94	2,14	-48%
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	3,29	2,29	1,68	-49%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	(Tài sản ngắn hạn- hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn	0,47	0,32	0,15	-68%
<b>2. Các hệ số cơ cấu</b>					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,24	0,34	0,47	92%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,51	0,88	173%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	1,681	1,092	0,90	-46%
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	Doanh thu thuần/Số dư bình quân các khoản phải thu	25,547	15,402	42,68	67%
Vòng quay vốn chủ sở hữu (vòng)	Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	1,199	1,024	1,01	-16%
Vòng quay tài sản (vòng)	Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	0,907	0,833	0,72	-21%
<b>4. Tỷ suất sinh lời</b>					
Tỷ suất sinh lời trên doanh thu	LNST/ Doanh thu thuần	17,18%	3,39%	5,01%	-71%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	LNST/Vốn chủ sở hữu	22,05%	3,48%	5,05%	-77%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	LNST/Tổng tài sản BQ	18,34%	2,83%	3,60%	-80%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)		3.650		1.127	-69%
Giá trị sổ sách		19.165	15.564	15.828	-17%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2016 và 2017)

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 5.1 Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **11.000.000** cổ phần

Trong đó : - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : **10.723.887** cổ phần

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : **276.113** cổ phần

#### 5.2 Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018: 13/03/2018)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, VN	6.658.589	60,53%
	<b>Tổng</b>		<b>6.658.589</b>	<b>60,53%</b>

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018: 13/03/2018)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần VICOSTONE	Khu Công nghệ cao Hoà Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thát, Hà Nội	0	0%
2	Phạm Minh Hùng	Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	200.000	1,82%

3	Phạm Trí Dũng	Hải Hậu - Nam Định	8.100	0,07%
<b>Tổng</b>			<b>208.100</b>	<b>1,89%</b>

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày chốt danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018: 13/03/2018

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	208.100	2.081.000.000	1,89%
2	Cổ đông phổ thông khác	10.791.900	107.919.000.000	98,11%
<b>Tổng</b>		<b>11.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông trong nước	10.995.600	109.956.000.000	99,96%
2	Cổ đông nước ngoài	4.400	44.000.000	0,04%
<b>Tổng</b>		<b>11.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông pháp nhân	6.660.989	66.609.890.000	60,55%
2	Cổ đông thể nhân	4.339.011	43.390.110.000	39,45%
<b>Tổng</b>		<b>11.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông khác	11.000.000	110.000.000.000	100,00%
<b>Tổng</b>		<b>11.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Vốn góp của cổ đông	Tỷ đồng	65,1275	65,1275	65,1275	110,000

Tính đến 31/12/2017, tổng số cổ phần đang lưu hành trên thị trường là: 11.000.000 (Mười một triệu) cổ phiếu.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017

#### 1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

## Kết quả các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	
				Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	165.020	264.670	333.490
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	124.815	174.717	177.615
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tr.đồng	65.127	110.000	110.000
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	152.641	179.201	179.112
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	28.391	6.645	9.539
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	25.697	6.074	8.969
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,05	3,48	5,05
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	18,34	2,29	3,60
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu lưu hành bình quân (EPS)	VNĐ	3.650		1.127
9	Lao động và tiền lương				
9.1	Lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	176	185	208
9.2	Thu nhập bình quân người/tháng	1.000đ	10.470	12.360	11.170

(Nguồn: Báo cáo đã kiểm toán năm 2016, 2017)

Trong năm 2017 Ban Giám đốc Công ty chú trọng đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, luôn tìm kiếm các giải pháp nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí; hoạt động đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Doanh thu về gia công, chế tác năm 2017 đạt 178,969 tỷ đồng tăng 19,62% so với năm 2016 (29,356 tỷ đồng); Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế năm 2017 của công ty mẹ chỉ đạt 6,074 tỷ đồng giảm 76,36% (19,623 tỷ đồng) so với năm 2016 là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm (Lãi tiền gửi, tiền cho vay năm 2016 là: 2,96 tỷ đồng, năm 2017 là: 0,23 tỷ đồng, giảm 2,73 tỷ đồng) do năm 2017 Công ty đã sử dụng hết nguồn tiền gửi tiết kiệm để trả tiền mua nguyên vật liệu nên không còn nguồn thu về lãi tiền gửi dồi dào như năm 2016

- Chi phí tiền lương cho người lao động tăng. Tổng quỹ tiền lương trong năm 2017 cho người lao động là 24.773.246.085 đồng, năm 2016 là: 18.398.630.184 đồng, tăng so với năm 2016 là: 6.374.615.901 đồng. Chi từ quỹ khen thưởng của năm 2017 là: 269.423.000 đồng, năm 2016 là: 3.494.607.500 đồng giảm so với năm 2016 là: 3.225.184.500 đồng. Như vậy tổng tiền lương năm 2017 tăng so với năm 2016 tăng là: 3.109.431.401 đồng.

- Công ty mở rộng đầu tư mua công ty con để đáp ứng nhu cầu của thị trường phía Nam. Năm 2017 công ty con là Công ty CP công nghiệp Trần Long đã lắp đặt dây truyền, máy móc thiết bị và chạy thử sản phẩm thành công, tuy nhiên Công ty vẫn chưa có doanh thu và lỗ lũy kế đến 31/12/2017 là: 3,7 tỷ đồng. Công ty đã phải trích lập dự phòng số lỗ này theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 vào chi phí hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm gia công chế tác năm 2017 sử dụng nhiều đá có mặt viên đa dạng, tiêu tốn nhiều nguyên vật liệu hơn, mặt khác nguyên liệu còn dư thừa không tận dụng được cho các đơn hàng khác, cũng như đơn hàng cắt mẫu. Do đó làm tăng chi phí đồ rác thải và tăng chi phí nguyên liệu.

## 2. Phân tích tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

### ❖ Tình hình tài sản

<i>Đơn vị: VNĐ</i>				
TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	34.055.419.514	18.961.244.471	15.094.175.043
	Máy móc thiết bị	24.019.999.728	15.766.523.155	8.253.476.573
	Phương tiện vận tải	5.165.576.057	2.858.473.322	2.307.102.735
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	519.334.128	191.748.903	327.585.225
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>			
	Phần mềm máy tính	3.572.286.800	59.538.113	3.512.748.687
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
	Nhà xưởng	11.149.247.084	6.265.405.093	4.883.841.991

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017)

### ❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc thiết bị	05 - 11
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm máy tính	05

❖ **Vốn điều lệ và vốn kinh doanh**

Đơn vị: VNĐ

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2017</b>	
			<b>Công ty mẹ</b>	<b>Hợp nhất</b>
Vốn điều lệ	65.127.500.000	65.127.500.000	110.000.000.000	110.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	108.282.571.036	124.814.690.867	174.717.645.210	177.615.449.242

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Các khoản phải thu**

Đơn vị: VNĐ

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>% thay đổi</b>
1	Phải thu của khách hàng	6.555.327.742	4.903.756.908	- 25,19%
2	Trả trước cho người bán	3.152.391.553	1.445.329.268	- 54,15%
3	Các khoản phải thu khác	38.290.715	312.256.687	715,49%
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.887.706.486)	(4.132.896.473)	6,31%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.854.266.841</b>	<b>2.528.446.390</b>	<b>- 56,84%</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2016 và 2017)

❖ **Các khoản phải trả**

Đơn vị tính: VNĐ



TT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017	
			Công ty Mẹ	Hợp nhất
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>40.204.960.134</b>	<b>89.953.266.289</b>	<b>155.875.205.336</b>
1	Phải trả người bán	36.670.354.022	47.044.905.981	112.821.524.242
2	Người mua trả tiền trước	131.641.799	44.099.000	44.099.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	735.696.745	98.359.002	99.459.400
4	Phải trả người lao động	1.978.297.569	3.964.750.615	4.108.885.503
5	Chi phí phải trả	44.000.000	44.000.000	44.000.000
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	530.108.974	1.079.031.712	1.079.117.212
7	Vay ngắn hạn		37.000.000.000	37.000.000.000
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	114.861.025	678.119.979	678.119.979
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	-		
1	Vay và nợ dài hạn	-		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40.204.960.134</b>	<b>89.953.266.289</b>	<b>155.875.205.336</b>

(Nguồn Báo cáo kiểm toán năm 2016 và 2017)

Biến động nợ phải trả như sau:

	Công ty mẹ	Hợp nhất
- Vay ngắn hạn tăng:	37.000.000.000	37.000.000.000
- Nợ ngắn hạn khác:		
Phải trả người bán ngắn hạn tăng:	10.374.551.959	76.151.170.220
Người mua trả tiền trước giảm:	(87.542.799)	(87.542.799)
Thuế và các khoản phải nộp NN	(637.337.743)	(636.237.345)
Phải trả người lao động tăng	1.986.453.046	2.130.587.934
Phải trả ngắn hạn khác tăng	548.922.738	548.922.738
Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng	563.258.954	563.258.954

❖ **Tình hình dư nợ vay tại ngày 31/12/2017:**

Năm 2017 Công ty vay của Công ty mẹ là Công ty cổ phần Tập đoàn Phượng hoàng xanh A&A, tổng dư nợ vay đến 31/12/2017 là: 37.000.000.000 đồng. Đây là khoản vay ngắn hạn với thời gian vay: 11 tháng và lãi suất vay là 6%/năm.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Theo định hướng phát triển của Nhà nước về quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 thì đá ốp lát là một trong những vật liệu xây dựng cơ bản được chú trọng phát triển. Trên cơ sở đó, Công ty đã đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, tự động hoá trong sản xuất, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, kích thước lớn, đa dạng về màu sắc và chủng loại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, cạnh tranh với một số sản phẩm đá ốp lát nhập khẩu từ nước ngoài.

Công ty cũng đang đẩy mạnh công tác thị trường, quảng bá sản phẩm, thương hiệu và từng bước thâm nhập, mở rộng thị trường trong nước ở phân khúc trung và cao cấp, phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm chế tác gắn liền với lĩnh vực trang trí nội thất và hàng gia dụng liên quan thông qua các đại lý cung cấp nội thất và hàng gia dụng, tăng cường khảo sát, tiếp cận các dự án bất động sản để giới thiệu và cung cấp sản phẩm.

Công ty đã duy trì sự ổn định về cơ cấu, chính sách, quản lý đồng thời phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên, tập trung vào sản xuất, phát huy hết công suất máy móc để nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Trong tương lai Công ty sẽ từng bước chuyên nghiệp hóa quá trình sản xuất một cách khoa học và nghiêm túc để đảm bảo chất lượng ổn định theo tiêu chuẩn để trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực gia công, chế tác đá thạch anh cao cấp mang thương hiệu Vicostone, với các nhiệm vụ sau:

- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hoạt động của các máy móc thiết bị, đảm bảo sản xuất liên tục và an toàn;
- Tạo ra nhiều mẫu mã sản phẩm mới tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
- Hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa quy trình thi công lắp đặt và bảo hành dịch vụ sau bán hàng;
- Quản lý tốt chất lượng vật tư đầu vào và thành phẩm đầu ra;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần;
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí có hiệu quả, tiết giảm tối đa chi phí tiêu hao nguyên vật liệu.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, thông qua Ban Giám đốc, các báo cáo của các bộ phận liên quan, Hội đồng quản trị đã kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, nhân sự,..để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp. Duy trì giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban giám đốc, cụ thể một số hoạt động của HĐQT như sau:

##### ➤ Chỉ đạo công tác đầu tư

Đầu tư dự án Phần mềm SAP-ERP: Để đáp ứng nhu cầu quản trị của Công ty cũng như của tập đoàn, năm 2017 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện triển khai dự án phần mềm SAP-ERP một cách quyết liệt, đúng tiến độ. Dự án bắt đầu được đàm phán từ đầu năm 2017 và chính thức triển khai từ tháng 07/2017. Ngày 06/11/2017 dự án GOLINE và đi vào hoạt động ổn định. Việc áp dụng hệ thống SAP giúp cho công tác điều hành sản xuất kịp thời, dữ liệu cập nhật thường xuyên giúp cho việc ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

##### ➤ Chỉ đạo công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã phối hợp cùng Ban lãnh đạo Công ty đánh giá, kiện toàn đội ngũ nhân sự cấp cao và cấp trung. Bổ nhiệm 1 trưởng phòng và 1 quản đốc phân xưởng, phát triển đội ngũ nhân sự kế cận để phục vụ cho công tác mở rộng, phát triển công ty trong thời gian tới.

Thống kê sự thay đổi của nhân sự toàn Công ty năm 2017 như sau:

TT	Chức danh	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm	Các Phòng Ban				
						TCH C	TC KT	KD- VT	PXS X	P.QL CL
1	Ban lãnh đạo	3	2	1	4	3	1			
2	Trưởng phòng, QDPX	1	1		2			1	1	
3	Phó phòng	2	1	1	2	1			1	
4	Thạc sỹ	1	1	1	1	1				
5	Kỹ sư	14	2	2	14	1		5	6	2
6	Cử nhân	20	1	2	19	3	4	9	1	2
7	CD, TC, SC	7	31	6	32	2		13	15	2
8	Công nhân trực tiếp	121	8	24	105			22	76	7
9	Công nhân gián tiếp	6	1	1	6	6				
<b>Tổng hợp</b>		<b>175</b>	<b>48</b>	<b>38</b>	<b>185</b>	<b>17</b>	<b>5</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>13</b>

- Năm 2017 việc nâng cao thu nhập chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động được HĐQT đặt lên hàng đầu. HĐQT đã chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty duy trì và nâng cao đời sống của CBCNV Công ty. Thu nhập bình quân năm 2017 đạt 12.360.000 đồng/người/tháng, tăng 18,05% so với năm 2016.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được Công ty thực hiện nghiêm túc, kịp thời. Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho 100% người lao động.

- Khuyến khích động viên kịp thời cho CBCNV đạt các thành tích và danh hiệu thi đua định kỳ cũng như đột xuất cho các cá nhân, công nhân đạt năng suất lao động cao.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, nghỉ mát,... cho CBCNV

### ➤ **Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017**

Nội dung của Đại hội gồm:

- Phê chuẩn Báo cáo thường niên năm 2016
- Phê chuẩn kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016
- Phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
- Phê chuẩn báo cáo kiểm toán năm 2016, lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
- Phê chuẩn phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2017
- Phê chuẩn kết quả bầu và miễn nhiệm thành viên HĐQT
- Phê chuẩn kết quả bầu và miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát
- Phê chuẩn kế hoạch tăng vốn và đăng ký, niêm yết bổ sung chứng khoán
- Thông qua chủ trương thay đổi mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành tăng vốn chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2014 do chưa sử dụng.

## **2. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc của công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu của Hội đồng quản trị đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh và đạt được hiệu quả cao.

Hoạt động giám sát của HĐQT được thể hiện bằng kết quả như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo Ban giám đốc ứng phó kịp thời với các biến động của thị trường, kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh đi đúng mục tiêu đặt ra. Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện dự án đầu tư trọng điểm của công ty như: Dự án triển khai phần mềm SAP, Dự án đầu tư mua lại cổ phần của Công ty CP công nghiệp Trần Long nhằm đáp ứng và mở rộng thị trường Phía Nam.

- Đối với công tác Quan hệ cổ đông:

Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 diễn ra vào ngày 20/04/2017. Chỉ đạo thực hiện thành công phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 65.127.500.000 đồng lên 110.000.000.000 đồng. Chỉ đạo công bố thông tin đảm bảo tuân thủ pháp luật, minh bạch, chính xác, kịp thời đến Quý cổ đông và các nhà đầu tư.

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp: Chỉ đạo, giám sát xuyên suốt các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trọng tâm chủ yếu vào việc đẩy mạnh sản xuất đáp ứng tiến độ giao hàng, cắt giảm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		KH năm 2018		Tăng trưởng năm 2018 so với năm 2017 (%)	
			Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	179.201	179.112	191.657	214.161	6,95%	19,57%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.645	9.539	10.578	9.246	59,19%	(3,07%)
3	Lao động và tiền lương							
3.1	Lao động có đến cuối kỳ báo cáo	Người	185	208	201	239	8,65%	14,90%

Đề hoàn thành các mục tiêu trên cần sự cố gắng, nỗ lực rất lớn từ Ban lãnh đạo đến toàn thể CBCNV trong Công ty, cụ thể chú trọng vào các nhiệm vụ chính sau:

#### ✓ Tập trung nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng tiến độ giao hàng

- Không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao kỹ năng chế tác và tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao và ổn định thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng
- Tính toán chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động để tạo sự ra sự cạnh tranh về giá.
- Đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại đảm bảo chế tác được các sản phẩm có chất lượng cao
- Triển khai sản xuất khẩn trương, đúng tiến độ khi nhận được đơn hàng.
- Thực hiện tốt các dịch vụ lắp đặt và bảo hành sau bán hàng. Thỏa mãn 100% nhu cầu của khách hàng.

✓ **Phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục tuyển dụng nhân công có chất lượng cao phục vụ trước mắt và lâu dài
- Điều chỉnh, bố trí nhân lực phù hợp năng lực.
- Đào tạo nâng cao nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phục vụ cho chiến lược phát triển công ty.
- Tuân thủ hệ thống tiêu chuẩn như : hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp, hệ thống SA8000 và biến chúng thành công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty.

✓ **Chăm lo đời sống của người lao động về vật chất và tinh thần**

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc.
- Trả lương và có chính sách đãi ngộ tương xứng với cống hiến.

✓ **Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chi phí hiệu quả**

- Xây dựng các chỉ tiêu tiết giảm chi phí, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, phân tích nguyên nhân và tìm biện pháp để đạt được mục tiêu đề ra. Các báo cáo này giúp cho Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành sản xuất nhanh, hợp lý đảm bảo tiết kiệm chi phí.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị của Công ty

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên độc lập không tham gia điều hành, chi tiết như sau:

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Phạm Anh Tuấn     | : Chủ tịch HĐQT (thành viên không điều hành) |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Chương | : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)  |
| 3. Ông Ninh Quốc Cường   | : Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc                |
| 4. Ông Đỗ Quang Bình     | : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)  |
| 5. Ông Nguyễn Xuân An    | : Ủy viên HĐQT (thành viên không điều hành)  |

#### Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

**Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	12/09/1981
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ vật liệu cao phân tử và tổ hợp
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ tháng 07/2005-10/2006	Trưởng phòng công nghệ - CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2006-06/2009	Trưởng phòng công nghệ - chất lượng CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 07/2009-03/2013	Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 03/2013-10/2014	Giám đốc nhà máy sản xuất số 2 kiêm Giám đốc Trung tâm R&D CTCP Vicostone
Từ ngày 14/10/2014 -14/12/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vicostone
Từ 15/12/2016- 20/04/2017	Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone
Từ 20/04/2017 – đến nay	Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A Ủy viên HĐQT –Tổng Giám đốc CTCP Vicostone

**Ông Ninh Quốc Cường - Ủy viên HĐQT / Phó Giám đốc công ty** – Đã được trình bày ở phần II mục 2.1 Danh sách Ban điều hành Công ty.

**Ông Đỗ Quang Bình - Ủy viên HĐQT**

Ngày tháng năm sinh	13/01/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ tháng 03/2010 - 11/2011	Trưởng phòng Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 11/2011 - 18/09/2013	Giám đốc Ban Pháp chế - Đối ngoại CTCP đá ốp lát cao cấp Vinaconex

Từ tháng 09/2013 - 08/2015	Giám đốc Ban pháp chế kiêm Trưởng phòng Quản trị Rủi ro CTCP Vicostone
Từ tháng 08/2015 – 03/2016	Trưởng phòng Pháp chế CTCP đá thạch anh cao cấp VCS
Từ tháng 03/2016 đến nay	- Trưởng phòng Pháp chế CTCP đá thạch anh cao cấp VCS - Chánh văn phòng CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A
Chức vụ hiện nay tại công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác	- Chánh văn phòng CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A - Trưởng phòng Pháp chế Công ty cổ phần VICOSTONE - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Style Stone

**Ông Nguyễn Xuân An - Ủy viên Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm sinh	06/08/1974
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ tháng 05/2005 - 03/2006	Chuyên viên tư vấn kế toán thuế- Công ty TNHH đào tạo tư vấn về quản lý và đầu tư
Từ tháng 03/2006 – 08/2006	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
Từ tháng 09/2006 - 10/2007	Phó phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 10/2007 - 08/2009	Kế toán Trưởng Công ty Liên doanh Style Stone
Từ tháng 08/2009 – 03/2015	Phó Giám đốc – Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone
Từ tháng 03/2015 đến nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kế toán trưởng Công ty CP Style Stone

**Ông Nguyễn Hữu Chương - Ủy viên Hội đồng quản trị**



Ngày tháng năm sinh	19/12/1980
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ điện tử động hóa
Quá trình công tác	
Từ tháng 06/2004 - 12/2004	Kỹ sư Công ty CP tự động hóa và truyền thông Vinaconex
Từ tháng 12/2004 – 02/2005	Kỹ sư Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 02/2005 - 02/2007	Phó Giám đốc Công ty CP đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 03/2007 - 05/2008	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 05/2008 – 08/2009	Giám đốc Công ty Liên doanh Style Stone kiêm Ủy viên HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 08/2009 – 11/2009	Giám đốc Công ty CP Style Stone kiêm Ủy viên HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 11/2009 - 04/2010	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty CP Style Stone kiêm Ủy viên HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 04/2010 – 08/2012	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP Style Stone kiêm Ủy viên HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex – Kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Từ tháng 08/2012 – 05/2013	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP Style Stone kiêm Ủy viên HĐQT CTCP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex
Từ tháng 05/2013 – 10/2014	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP Style Stone kiêm Ủy viên HĐQT – Phó TGD CTCP Vicostone
Từ tháng 10/2014 – 03/2015	Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone, Ủy viên HĐQT Công ty CP Style Stone , Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A
Từ tháng 03/2015 – 08/2015	Ủy viên HĐQT CTCP Vicostone, Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Phụng Hoàng Xanh A&A
Từ tháng 08/2015 – 12/2016	Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A
Từ tháng 12/2016 - nay	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A

Chức vụ hiện nay

Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tác đá Việt Nam

Chức vụ đảm nhận tại các Công ty khác

Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A

### 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham gia thảo luận bàn bạc các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, Fax, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Giám đốc gửi các thành viên hàng tuần.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên hội đồng quản trị trong năm 2017:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp HĐQT vắng mặt	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	18	0	72.0%	Được bầu chủ tịch HĐQT ngày 20/04/2017
	Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT	7	0	28.0%	Miễn nhiệm ngày 20/04/2017
2	Ông Nguyễn Hữu Chương	Ủy viên HĐQT	20	0	80.0%	Được bầu vào HĐQT ngày 31/03/2017
3	Ông Ninh Quốc Cường	Ủy viên HĐQT	25	0	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân An	Ủy viên HĐQT	20	0		Được bầu vào HĐQT ngày 31/03/2017
5	Ông Đỗ Quang Bình	Ủy viên HĐQT	25	0	100%	

6	Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Ủy viên HDQT	5	0	20.0%	Miễn nhiệm ngày 31/03/2017
7	Ông Lưu Công An	Ủy viên HDQT	5	0	20.0%	Miễn nhiệm ngày 31/03/2017

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ/STV-HĐQT	05/01/2017	Thông qua các Hợp đồng nguyên tắc năm 2017 về việc mua bán hàng hóa với Công ty cổ phần Phương Hoàng xanh A&A, Công ty CP đá thạch anh cao cấp VCS và CTCP Style Stone
2	02/2017/NQ/STV-HĐQT	05/01/2017	Thông qua quy chế phân phối tiền lương của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt nam
3	02A/2017/NQ/STV-HĐQT	05/03/2017	Thông qua chủ trương cho vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh
4	03/2017/NQ/STV-HĐQT	06/03/2017	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
5	04/2017/NQ/STV-HĐQT	20/03/2017	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
6	05/2017/NQ/STV-HĐQT	31/03/2017	Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty
7	06/2017/NQ/STV-HĐQT	12/04/2017	Thay đổi nhân sự kế toán trưởng Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam
8	07/2017/NQ/STV-HĐQT	12/04/2017	Phê duyệt hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
9	07A/2017/NQ/STV-HĐQT	12/04/2017	Sửa đổi Quy chế phân phối tiền lương của Công ty cổ phần Chế tác đá Việt nam
10	08/2017/NQ/STV-HĐQT	20/04/2017	Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018
11	09/2017/NQ/STV-HĐQT	20/04/2017	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giấy chứng nhận doanh nghiệp
12	10/2017/NQ/STV-HĐQT	21/04/2017	Thay đổi thành viên Ban quan hệ cổ đông

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam
13	10A/2017/NQ/STV-HĐQT	23/04/2017	Triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017
14	11/2017/NQ/STV-HĐQT	03/05/2017	Thông qua phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng trong năm 2017 của Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam
15	12/2017/NQ/STV-HĐQT	03/05/2017	Phê duyệt hồ sơ phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng
16	13/2017/NQ/STV-HĐQT	20/06/2017	Chốt danh sách cổ đông thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
17	14/2017/NQ/STV-HĐQT	20/06/2017	Chốt danh sách cổ đông thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
18	15A/2017/NQ/STV-HĐQT	20/06/2017	Phê duyệt đầu tư dự án “Triển khai phần mềm hệ thống thông tin doanh nghiệp SAP_ERP”
19	15/2017/NQ/STV-HĐQT	26/06/2017	Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty
20	16/2017/NQ/STV-HĐQT	08/07/2017	Bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty của Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam
21	17/2017/NQ/STV-HĐQT	23/08/2017	Thông qua việc lựa chọn đối tác để phân phối tiếp số lượng cổ phần không được mua hết trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu năm 2017 của Công ty chế tác đá Việt nam
22	18/2017/NQ/STV-HĐQT	28/08/2017	Thông qua kết quả và kết thúc đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng; sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần
23	19A/2017/NQ/STV-HĐQT	06/09/2017	Tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam
24	19/2017/NQ/STV-HĐQT	26/09/2017	Phê duyệt phương án nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty cổ phần công nghiệp Trần Long

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
25	21/2017/NQ/STV-HĐQT	12/10/2017	Thông qua nội dung thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần chế tác đá Việt nam

#### **1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Hiện tại trong Hội đồng quản trị có 04 thành viên độc lập, không điều hành là Ông Phạm Anh Tuấn; Ông Đỗ Quang Bình và Ông Nguyễn Xuân An và Ông Nguyễn Hữu Chương đều là những người có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực về luật, lĩnh vực tài chính và lĩnh vực sản xuất. Các thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Công ty đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và kế hoạch hoạt động của Công ty.

#### **1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị : Không có**

### **2. Ban kiểm soát của Công ty**

#### **2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty CP chế tác đá Việt Nam đến ngày 31/12/2017 có 02 thành viên.

Danh sách như sau:

1. Bà Nguyễn Phương Thúy : Trưởng ban Kiểm soát
2. Bà Trần Lan Phương : Thành viên Ban kiểm soát

#### **Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:**

#### **Bà Nguyễn Phương Thúy – Trưởng ban Kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	28/12/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 01/2017 02/10/2017	Nhân viên Phòng tài chính – Kế toán Công ty cổ phần VICOSTONE. Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Từ 02/10/2017 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt nam
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam.
Chức vụ đảm nhận ở các Công ty khác	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP VICOSTONE

**Bà Trần Lan Phương – Thành viên ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh	04/10/1988
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật, cử nhân tài chính ngân hàng
<b>Quá trình công tác</b>	
<i>Từ tháng 03/2010- 11/2010</i>	Nhân viên tư vấn CTCP Đào tạo ứng dụng Aprotrain
<i>Từ tháng 11/2010-03/2013</i>	Nhân viên Ban pháp chế đối ngoại – Công ty CP Đá ốp lát cao cấp VINACONEX
<i>Từ tháng 03/2013-10/2014</i>	Phó chánh văn phòng, Trưởng ban thư ký Công ty CP VICOSTONE, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Chế tác đá Việt nam
<i>Từ tháng 10/2014-08/2015</i>	- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Chánh văn phòng CPCT Phụng Hoàng Xanh A&A - Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP VICOSTONE - Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội
<i>Từ tháng 8/2015 đến nay</i>	- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP VICOSTONE - Giám đốc Ban nhân lực Công ty CP Tập đoàn Phụng Hoàng xanh A&A - Ủy viên HĐQT CTCP tư vấn thiết kế Sitetech Toàn cầu - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Tư vấn quản lý dự án VPM Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế tác đá Việt Nam
Chức vụ đảm nhận ở các công ty khác	- Giám đốc Ban nhân lực Công ty CP Tập đoàn Phụng hoàng xanh A&A - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP CP Vicostone - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn quản lý dự án VPM - Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP tư vấn thiết kế

## Sitetech Toàn cầu

**2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện một số hoạt động chính trong năm 2017, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017; giám sát việc tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh, kiểm tra tính hiệu quả của công tác điều hành Công ty.

- Thẩm định, soát xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính.

- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát Công ty thường xuyên, liên tục kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty nhằm giúp công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành.

**Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

TT	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	01/2017/BB-BKS	20/02/2017	Thảo luận với đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2016; Rà soát các việc cần thực hiện năm 2017
2	2010/2017BB/STV-BKS	02/10/2017	Họp thông qua đơn từ nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát của Bà Trần Thị Đức Hạnh và bầu thay thế Trưởng ban kiểm soát
3	04/2017/BB-BKS	30/12/2017	Họp tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

**2.3 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2017**

- Tình hình tài chính năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ	Số hợp nhất
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	264.670	333.490
1.1	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	205.748	261.122
1.2	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	58.922	72.367
2	Nguồn vốn	Tr.đồng	264.670	333.490
2.1	Nợ phải trả	Tr.đồng	89.953	155.875
2.2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	174.717	177.615

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Số hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	179.201	179.112
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.645	9.539
3	Thu nhập bình quân	1.000đ	12.348	11.170

- Công tác tài chính kế toán

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân, không để xảy ra tình trạng nợ, đọng thuế.

Chấp hành nghiêm chỉnh các Quy định của pháp luật trong công tác hạch toán kế toán. Hoàn thành báo cáo tài chính và thực hiện chế độ công bố thông tin đúng thời hạn quy định.

#### 2.4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017, HĐQT đã thực hiện những công việc chính sau:

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất bằng các hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Trong năm tất cả các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp HĐQT đầy đủ.



Kết luận: Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2017 phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và công ty.

## **2.5. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc**

Trong năm 2017, Ban Giám đốc đã nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định hoạt động SXKD và sự phát triển ổn định của Công ty, góp phần bảo toàn và sinh lời vốn của các cổ đông. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc thường xuyên họp và báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và đề xuất ý kiến với HĐQT. Thực hiện công bố thông tin công ty kịp thời, đúng thời gian quy định.

## **2.6. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc**

Thông qua việc tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và ban giám đốc, Ban kiểm soát đã giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty, đồng thời đóng góp ý kiến cho HĐQT và Ban Giám đốc trong điều hành sản xuất và kinh doanh, cũng như việc đầu tư mới.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin về hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc, các số liệu về sản xuất kinh doanh cũng như các số liệu về sử dụng các nguồn vốn.

HĐQT, Ban giám đốc đã hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất để Ban kiểm soát có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, HĐQT và Ban kiểm soát Công ty đã cùng phối hợp, xây dựng mối quan hệ với cổ đông, thực hiện công bố thông tin của Công ty nghiêm yết theo đúng quy định.

## **2.7. Kiến nghị của Ban kiểm soát**

Phát huy kết quả đạt được năm 2017, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2018, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh công ty, ban kiểm soát kiến nghị một số việc sau:

+ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đưa ra các chính sách đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và cảnh báo rủi ro, tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

+ Tăng cường nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trên cơ sở đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

## **2.8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018**

- Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2018 cùng với đơn vị kiểm toán độc lập
- Kiểm tra các hoạt động đầu tư, xây dựng, thực hiện các dự án của Công ty

- Kiểm soát các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:
  - + Thực hiện chiến lược của Công ty do ĐHCĐ, HĐQT thông qua
  - + Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
  - + Sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông
  - + Chấp hành đúng điều lệ công ty
- Theo dõi việc thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty
- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ của các thành viên Ban kiểm soát, tăng cường việc hỗ trợ công nghệ thông tin cho hoạt động giám sát, kiểm toán.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

#### 3.1 Thù lao, các khoản lợi ích

STT	HỌ VÀ TÊN	Thu nhập từ thù lao	Thu nhập từ tiền lương	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>117.000.000</b>	<b>688.523.264</b>	<b>805.523.264</b>
1	Phạm Trí Dũng	10.900.000		10.900.000
2	Lưu Công An	7.500.000		7.500.000
3	Phạm Anh Tuấn	16.100.000		16.100.000
4	Ninh Quốc Cường	22.500.000	688.523.264	711.023.264
5	Nguyễn Xuân An	15.000.000		15.000.000
6	Nguyễn Diệu Thúy ngọc	7.500.000		7.500.000
7	Đỗ Quang Bình	22.500.000		22.500.000
8	Nguyễn Hữu Chương	15.000.000		15.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>58.500.000</b>	<b>541.023.625</b>	<b>599.523.625</b>
9	Lương Xuân Mẫn	9.083.333		9.083.333
10	Trần Thị Đức Hạnh	13.416.667	478.805.933	492.222.600
11	Nguyễn Phương Thúy	18.000.000	62.217.692	80.217.629
12	Trần Lan Phương	18.000.000		18.000.000
<b>III</b>	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>175.500.000</b>	<b>1.229.546.889</b>	<b>1.405.046.889</b>

## 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu tính đến thời điểm báo cáo		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Hữu Chương	Ủy viên HĐQT	6.000	0,09%	0	0%	Bán
2	Nguyễn Xuân An	Ủy viên HĐQT	3.000	0,05%	0	0%	Bán
3	Lưu Công An	Ủy viên HĐQT	12.000	0,18%	0	0%	Bán

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : không có

## 3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM ANH TUẤN

5916  
G TY  
HÂN  
C ĐÁ  
NAM  
TP. H

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	bỏ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Ninh Quốc Cường	Thành viên	
Ông Đỗ Quang Bình	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Chương	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân An	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Lưu Công An	Thành viên	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Phương Thúy	Trưởng Ban	bỏ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2017
Bà Trần Thị Đức Hạnh	Trưởng Ban	bỏ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
		miễn nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2017
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Công An	Giám đốc
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 20 tháng 4 năm 2017 là ông Phạm Trí Dũng và từ ngày 20 tháng 4 năm 2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Anh Tuấn.

Ông Lưu Công An, Giám đốc Công ty, được Ông Phạm Anh Tuấn ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 20/04/UQ/STV ngày 20 tháng 4 năm 2017.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

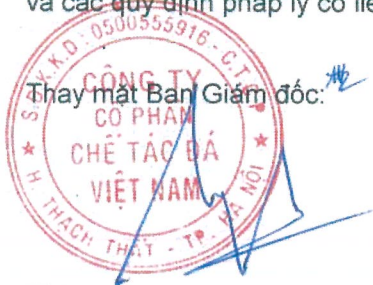
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Giám đốc  
Lưu Công An

Ngày 9 tháng 3 năm 2018



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61141842/19317503 - HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và công ty con”) được lập ngày 9 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




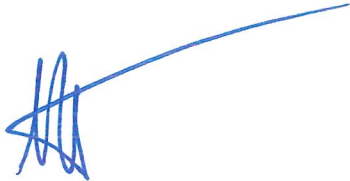
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

  
Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

12/03/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>261.122.942.273</b>	<b>132.300.652.415</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>4.593.671.928</b>	<b>5.840.143.214</b>
111	1. Tiền		4.593.671.928	4.340.143.214
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.500.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.528.446.390</b>	<b>5.858.303.525</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	4.903.756.908	6.555.327.742
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.445.329.268	3.152.391.553
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		312.256.687	38.290.715
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(4.132.896.473)	(3.887.706.485)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>237.368.643.139</b>	<b>113.414.308.882</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	237.368.643.139	113.414.308.882
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.632.180.816</b>	<b>7.187.896.794</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		252.625.150	71.338.031
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.198.790.082	7.116.558.763
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	180.765.584	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>72.367.712.305</b>	<b>32.718.998.586</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>29.495.088.263</b>	<b>20.324.296.355</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	25.982.339.576	20.324.296.355
222	Nguyên giá		63.760.329.427	52.286.213.850
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(37.777.989.851)	(31.961.917.495)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.512.748.687	-
228	Nguyên giá		3.572.286.800	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.538.113)	-
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>4.883.841.991</b>	<b>4.888.662.796</b>
231	1. Nguyên giá		11.149.247.084	10.104.745.684
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.265.405.093)	(5.216.082.888)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>11.536.117.556</b>	<b>413.150.962</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	5.363.277
242	2. Xây dựng cơ bản dở dang	11	11.536.117.556	407.787.685
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>26.452.664.495</b>	<b>7.092.888.473</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	26.452.664.495	7.092.888.473
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>333.490.654.578</b>	<b>165.019.651.001</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>155.875.205.336</b>	<b>40.204.960.134</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>155.875.205.336</b>	<b>40.204.960.134</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	112.821.524.242	36.670.354.022
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		44.099.000	131.641.799
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	99.459.400	735.696.745
314	4. Phải trả người lao động		4.108.885.503	1.978.297.569
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		44.000.000	44.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.079.117.212	530.108.974
320	7. Vay ngắn hạn	16	37.000.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	678.119.979	114.861.025
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>177.615.449.242</b>	<b>124.814.690.867</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>177.615.449.242</b>	<b>124.814.690.867</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		110.000.000.000	65.127.500.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		110.000.000.000	65.127.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(176.913.636)	(60.050.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.886.019.271	12.916.711.658
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.903.385.535	46.830.529.209
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		43.933.939.642	22.133.436.495
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		8.969.445.893	24.697.092.714
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.958.072	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>333.490.654.578</b>	<b>165.019.651.001</b>

  
Người lập biểu  
Phạm Thị Duyên

  
Kế toán trưởng  
Cao Hoàng Lan

  
Giám đốc  
Lưu Công An


Hà Nội, Việt Nam

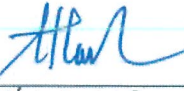
Ngày 9 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	178.969.706.941	149.613.061.026
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19.1	178.969.706.941	149.613.061.026
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	158.708.685.151	113.207.960.456
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		20.261.021.790	36.405.100.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	142.418.194	2.962.828.925
22	7. Chi phí tài chính	21	598.374.499	231.617
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		598.166.666	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.428.094.767	2.744.307.728
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.887.779.546	8.246.123.167
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		9.489.191.172	28.377.266.983
31	11. Thu nhập khác		57.929.060	65.118.125
32	12. Chi phí khác		7.287.502	51.595.029
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		50.641.558	13.523.096
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		9.539.832.730	28.390.790.079
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	570.428.765	2.693.697.365
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		8.969.403.965	25.697.092.714
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		8.969.445.893	25.697.092.714
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(41.928)	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.127	3.650
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	1.127	3.650

  
Người lập biểu  
Phạm Thị Duyên

  
Kế toán trưởng  
Cao Hoàng Lan

  
Giám đốc  
Lưu Công An



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>9.539.832.730</b>	<b>28.390.790.079</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	8,9,10	6.187.362.734	6.287.227.171
03	Các khoản dự phòng		245.189.988	752.663.100
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(480.707)	231.617
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(141.729.654)	(2.962.634.501)
06	Chi phí lãi vay	21	598.166.666	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.428.341.757</b>	<b>32.468.277.466</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(3.023.330.247)	(7.328.198.737)
10	Tăng hàng tồn kho		(120.640.614.325)	(91.445.335.554)
11	Tăng các khoản phải trả		68.863.545.625	37.976.898.294
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		838.731.826	(502.151.371)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.448.683.178)	(1.451.148.726)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		331.542.526	380.972.500
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(364.023.000)	(3.666.602.359)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(39.014.489.016)</b>	<b>(33.567.288.487)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.369.431.205)	(13.887.255.169)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		561.210.836	-
23	Tiền chi cho vay		(11.000.000.000)	(52.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		11.000.000.000	52.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trừ đi tiền thu hồi		(28.184.855.626)	-
27	Tiền thu lãi cho vay		141.729.654	2.962.634.501
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(33.851.346.341)</b>	<b>(10.924.620.668)</b>

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		44.755.636.364	-
33	Tiền thu từ đi vay		37.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(10.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(136.753.000)	(10.282.220.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>71.618.883.364</b>	<b>(10.282.220.000)</b>
<b>50</b>	<b>Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(1.246.951.993)</b>	<b>(54.774.129.155)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>5.840.143.214</b>	<b>60.614.503.986</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		480.707	(231.617)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>4.593.671.928</b>	<b>5.840.143.214</b>

Người lập biểu  
Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng  
Cao Hoàng Lan



Giám đốc  
Lưu Công An

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp vào ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 26 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 208 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 175 nhân viên).

**Cơ cấu tổ chức**

Trong năm 2017, thực hiện Nghị quyết số 19/2017/NQ/STV-HĐQT ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thực hiện mua lại 99,99% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long vào ngày 27 tháng 9 năm 2017 và công ty này trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3602398753 ngày 3 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ tám được cấp ngày 13 tháng 7 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 8, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long chưa thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Dịch vụ gia công dở dang và đã hoàn thành - chi phí lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 11 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 11 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty và công ty con không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	8 – 11 năm
-----------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 26 - 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh**

Công ty mua công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu từ hoạt động gia công*

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động gia công được hoàn thành thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa gia công.

*Doanh thu từ cho thuê hoạt động*

Thu nhập từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 *Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại doanh nghiệp chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

E

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. GIAO DỊCH MUA CÔNG TY CON**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1, vào ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua lại 99,99% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long.

Ban Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần này là giao dịch mua một nhóm các tài sản. Giá phí của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản, nợ phải trả tại ngày mua. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Công ty.

1/2/3/4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/14/15/16/17/18/19/20/21/22/23/24/25/26/27/28/29/30/31/32/33/34/35/36/37/38/39/40/41/42/43/44/45/46/47/48/49/50/51/52/53/54/55/56/57/58/59/60/61/62/63/64/65/66/67/68/69/70/71/72/73/74/75/76/77/78/79/80/81/82/83/84/85/86/87/88/89/90/91/92/93/94/95/96/97/98/99/100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	189.878.157	72.515.743
Tiền gửi ngân hàng	4.403.793.771	4.267.627.471
Các khoản tương đương tiền	-	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.593.671.928</b>	<b>5.840.143.214</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần TID	1.396.067.957	1.396.067.957
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội	1.178.951.610	1.178.951.610
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	-	1.358.594.055
Công ty TNHH Nội thất Bùi Gia	627.457.396	78.287.401
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.701.279.945	2.543.426.719
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.903.756.908</b>	<b>6.555.327.742</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.132.896.473)	(3.887.706.485)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
<i>Marmo Meccanica S.P.A</i>	-	2.668.960.000
<i>Công ty TNHH kết cấu thép Hoàng Triều</i>	505.359.654	-
<i>Công ty Cổ phần In và Phát triển Quảng cáo Hà Nội</i>	214.579.750	-
<i>Công ty TNHH máy và thiết bị Minh Hoàng</i>	168.458.400	-
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	264.730.700	221.154.400
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	292.200.764	262.277.153
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.445.329.268</b>	<b>3.152.391.553</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	219.000.103.998	-	97.835.057.877	-
Công cụ, dụng cụ	1.653.559.773	-	1.924.419.462	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.370.236.590	-	9.650.423.746	-
Thành phẩm	4.088.764.584	-	4.004.407.797	-
Hàng hóa	255.978.194	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>237.368.643.139</b>	<b>-</b>	<b>113.414.308.882</b>	<b>-</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*  
*Phần mềm máy tính*

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	-
Mua trong năm	3.572.286.800
Số cuối năm	<u>3.572.286.800</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	-
Hao mòn trong năm	59.538.113
Số cuối năm	<u>59.538.113</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u><u>3.512.748.687</u></u>

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*  
*Nhà xưởng*

<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	10.104.745.684
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	1.044.501.400
Số cuối năm	<u>11.149.247.084</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	5.216.082.888
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	48.356.544
Khấu hao trong năm	1.000.965.661
Số cuối năm	<u>6.265.405.093</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>4.888.662.796</u>
Số cuối năm	<u><u>4.883.841.991</u></u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án xây dựng nhà kho vật tư	-	407.787.685
Dự án Nhà máy Trần Long	11.536.117.556	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>11.536.117.556</b></u>	<u><b>407.787.685</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	25.249.664.273	5.654.098.485
Chi phí sửa chữa lớn	704.038.624	726.858.758
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	297.970.974	450.415.785
Chi phí trả trước dài hạn khác	200.990.624	261.515.445
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.452.664.495</b>	<b>7.092.888.473</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	2.830.502.294	2.830.502.294	290.387.235	290.387.235
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	109.991.021.948	109.991.021.948	36.379.966.787	36.379.966.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.821.524.242</b>	<b>112.821.524.242</b>	<b>36.670.354.022</b>	<b>36.670.354.022</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng do mua công ty con</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	697.488.829	-	570.428.765	(1.448.683.178)	(180.765.584)
Thuế giá trị gia tăng	-	-	347.035.485	(347.035.485)	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.207.916	1.100.398	385.963.946	(325.812.860)	99.459.400
Thuế nhập khẩu	-	-	14.761.186	(14.761.186)	-
Thuế nhà thầu	-	-	36.287.525	(36.287.525)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>735.696.745</b>	<b>1.100.398</b>	<b>1.354.476.907</b>	<b>(2.172.580.234)</b>	<b>(81.306.184)</b>
Trong đó:					
Thuế phải nộp	735.696.745	-	-	-	99.459.400
Thuế phải thu	-	-	-	-	180.765.584

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi vay phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	598.166.666	-
Cổ tức phải trả	382.399.500	519.152.500
Phải trả khác	98.551.046	10.956.474
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.079.117.212</u></b>	<b><u>530.108.974</u></b>

**16. VAY NGẮN HẠN**

Đây là khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, công ty mẹ của Công ty, với thời gian vay là 11 tháng và chịu lãi suất 6%/năm. Gốc vay sẽ được hoàn trả vào ngày 26 tháng 8 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	114.861.025	1.189.290.501
Trích quỹ trong năm ( <i>Thuyết minh số 18.1</i> )	927.281.954	2.592.172.883
Sử dụng quỹ trong năm	(364.023.000)	(3.666.602.359)
Số cuối năm	<b><u>678.119.979</u></b>	<b><u>114.861.025</u></b>

## Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	65.127.500.000	-	11.374.287.198	31.780.783.838	-	108.282.571.036
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.697.092.714	-	25.697.092.714
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thường Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	(2.592.172.883)	-	(2.592.172.883)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.542.424.460	(1.542.424.460)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(6.512.750.000)	-	(6.512.750.000)
Giảm khác	-	(60.050.000)	-	-	-	(60.050.000)
Số cuối năm	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209	-	124.814.690.867
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	65.127.500.000	(60.050.000)	12.916.711.658	46.830.529.209	-	124.814.690.867
Tăng vốn (*)	44.872.500.000	-	-	-	-	44.872.500.000
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	3.000.000	3.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	8.969.445.893	(41.928)	8.969.403.965
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(927.281.954)	-	(927.281.954)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	1.969.307.613	(1.969.307.613)	-	-
Giảm khác	-	(116.863.636)	-	-	-	(116.863.636)
Số cuối năm	110.000.000.000	(176.913.636)	14.886.019.271	52.903.385.535	2.958.072	177.615.449.242

(\*) Thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thực hiện phát hành 4.487.250 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

(\*\*) Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	66.585.890.000	6.658.589	32.923.500.000	3.292.350
Công ty Cổ phần Vicostone	-	-	20.448.000.000	2.044.800
Các cổ đông khác	43.414.110.000	4.341.411	11.756.000.000	1.175.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>11.000.000</b>	<b>65.127.500.000</b>	<b>6.512.750</b>

**18.3 Cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	6.512.750.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm</b>	-	-

**18.4 Cổ phiếu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>6.512.750</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>11.000.000</b>	<b>6.512.750</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>6.512.750</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.000.000</b>	<b>6.512.750</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.000.000</i>	<i>6.512.750</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>178.969.706.941</b>	<b>149.613.061.026</b>
Trong đó		
Doanh thu bán thành phẩm	174.943.087.886	146.407.669.400
Doanh thu bán hàng hóa	1.652.264.577	1.738.855.776
Doanh thu dịch vụ gia công và dịch vụ khác	2.374.354.478	1.466.535.850
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>178.969.706.941</b>	<b>149.613.061.026</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.378.423.593	21.009.143.082
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	176.591.283.348	128.603.917.944

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền cho vay	109.716.666	2.750.100.001
Lãi tiền gửi	32.012.988	212.534.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	688.540	194.424
	<b>142.418.194</b>	<b>2.962.828.925</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm	156.246.188.733	110.528.357.444
Giá vốn của hàng hóa	1.363.265.154	1.612.940.923
Giá vốn của dịch vụ gia công và dịch vụ khác	1.099.231.264	1.066.662.089
	<b>158.708.685.151</b>	<b>113.207.960.456</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	598.166.666	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	231.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	207.833	-
	<b>598.374.499</b>	<b>231.617</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	1.317.075.060	2.173.725.522
Chi phí vận chuyển	-	174.782.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.733.163	-
Chi phí bán hàng khác	79.286.544	395.799.803
	<b>1.428.094.767</b>	<b>2.744.307.728</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	4.240.008.655	4.129.407.311
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	245.189.988	752.663.100
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.309.075.386	1.072.328.759
Chi phí công cụ, dụng cụ	716.720.819	744.184.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	866.675.429	598.214.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.510.109.269	949.325.180
	<b>8.887.779.546</b>	<b>8.246.123.167</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.315.874.313</b>	<b>10.990.430.895</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.308.417.059	101.977.324.050
Chi phí nhân công	25.410.524.126	16.694.697.139
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.187.362.735	6.287.227.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.584.990.948	6.910.533.528
Chi phí khác bằng tiền	4.337.434.227	4.634.808.246
	<b>171.828.729.095</b>	<b>136.504.590.134</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công của Công ty:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ năm 2008 đến 2019).

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2011 đến năm 2017). Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động bán thành phẩm và hoạt động gia công trong năm nay là 7,5%.

Đối với các hoạt động khác và công ty con:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	571.417.164	2.563.715.175
Giảm trừ thuế TNDN năm trước	(988.399)	-
Tăng thuế TNDN năm trước	-	129.982.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>570.428.765</u></b>	<b><u>2.693.697.365</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	9.539.832.730	28.390.790.079
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	715.487.455	2.499.190.956
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí dở dang dự án Dolphin không thu được tiền	-	32.437.089
Chi phí thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách	13.625.553	15.780.863
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	46.323
Khác	7.057.173	16.259.944
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	129.982.190
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận liên quan đến lỗ của Công ty con (*)	83.856.423	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh thuế thu nhập các năm trước	(988.399)	-
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hợp nhất	(248.556.461)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(52.979)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>570.428.765</u></b>	<b><u>2.693.697.365</u></b>

(\*) Công ty và công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế phát sinh tại công ty con do chưa thể dự tính chính xác lợi nhuận trong tương lai của công ty con tại thời điểm này.

**24.2 Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.969.445.893	25.697.092.714
Điều chỉnh giảm do tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành	<u>(672.708.442)</u>	<u>(1.927.281.954)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>8.296.737.451</u></b>	<b><u>23.769.810.760</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.361.025</u>	<u>6.512.750</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.</b>	<b><u>7.361.025</u></b>	<b><u>6.512.750</u></b>
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.127	3.650
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.127	3.650

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận của năm 2017 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ/STV-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vicostone (tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS)	Công ty cùng Tập đoàn	Mua phôi đá	190.815.594.026	146.629.755.941
		Bán thành phẩm sản xuất	170.367.845.607	124.428.278.869
		Mua vật tư	1.356.427.797	2.242.738.817
		Bán hàng hóa, vật tư	626.326.707	1.738.855.776
		Cho thuê nhà xưởng	1.038.400.000	960.000.000
		Gia công dọc cạnh đá	203.597.704	247.950.174
		Bán tài sản cố định	510.191.669	-
		Cho thuê xe	92.500.000	15.500.000
		Cổ tức phải trả	-	2.044.800.000
		Cổ tức đã trả	-	3.271.680.000
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	-	52.000.000.000
		Thu lại tiền cho vay ngắn hạn	-	52.000.000.000
		Mua phôi đá	15.885.350.639	15.339.579.110
		Lãi cho vay	-	2.750.100.001
		Bán thành phẩm sản xuất	-	1.107.095.375
		Mua vật tư	39.247.580	117.741.203
		Gia công dọc cạnh và thi công lát nền	110.774.050	25.654.500
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua phôi đá	26.380.015.953	3.536.873.356
		Bán thành phẩm sản xuất và gia công đá mẫu	4.151.839.280	80.583.250
		Cổ tức phải trả	-	3.292.350.000
		Cổ tức đã trả	-	5.267.760.000
		Vay ngắn hạn	37.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	598.166.666	-
		Cho vay ngắn hạn	11.000.000.000	-
		Tắt toán khoản vay	11.000.000.000	-
		Lãi cho vay	109.716.666	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí thi công công trình xây dựng	2.970.727.766	464.897.811
		Chuyển tiền thi công công trình xây dựng	3.445.028.243	773.664.745
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật tư	366.916.762	40.501.520
		Chuyển tiền mua vật tư	338.499.878	-
Công ty CP TV thiết kế và công nghệ Siteteck Toàn cầu	Công ty cùng tập đoàn	Chi phí tư vấn thiết kế	182.280.359	-
		Thanh toán tiền tư vấn thiết kế	89.114.842	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i></b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Xây dựng cơ bản	292.200.764	262.277.153
			<b>292.200.764</b>	<b>262.277.153</b>
<b><i>Phải trả người bán (Thuyết minh số 13)</i></b>				
Công ty Cổ phần Vicostone	Công ty cùng Tập đoàn	Mua phôi đá và thành phẩm	81.520.991.436	36.102.683.362
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua phôi đá và thành phẩm	15.201.176.849	277.283.425
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng tập đoàn	Mua phôi đá và thành phẩm	13.184.534.218	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Séc G3	Công ty cùng Tập đoàn	Mua vật tư	65.108.560	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Xây dựng cơ bản	19.210.885	-
			<b>109.991.021.948</b>	<b>36.379.966.787</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)</i></b>				
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả về chi phí lãi vay	598.166.666	-
			<b>598.166.666</b>	<b>-</b>
<b><i>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i></b>				
Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	37.000.000.000	-
			<b>37.000.000.000</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	1.405.046.889	1.234.773.492
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.405.046.889</b>	<b>1.234.773.492</b>

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Doanh thu gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh chiếm tỷ trọng 98,44% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty và công ty con đang thuê 24.100 m<sup>2</sup> đất tại Lô A2, khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 12/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê đất này được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	349.450.000	349.450.000
Từ 1 đến 5 năm	1.747.250.000	1.747.250.000
Tên 5 năm	12.021.080.000	12.370.530.000
	<b>14.117.780.000</b>	<b>14.467.230.000</b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty và công ty con hiện đang cho thuê nhà xưởng và cho thuê xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	837.600.000	1.130.500.000
Từ 1 đến 5 năm	156.800.000	720.000.000
	<b>994.400.000</b>	<b>1.850.500.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

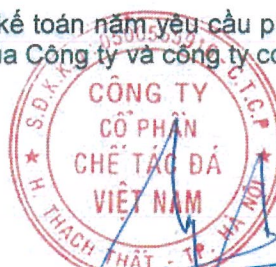
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Người lập biểu  
Phạm Thị Duyên



Kế toán trưởng  
Cao Hoàng Lan



Giám đốc  
Lưu Công An

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2018

